TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 31/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 17- 8- 2021.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Bà Nguyễn Thị Tin

Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 94/2021/TLST- HNGĐ ngày 29/4/2021 về " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX ST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Th1, sinh năm 1985 (có mặt);
Cư trú tại: Thôn 1, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang.

***Bị đơn*:** Anh Nguyễn Đình Th2, sinh năm 1981 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang, số 95, đường Th, khu 34, xã S, thành phố B , tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Hoàng Thị Th1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình Th2 kết hôn

ngày 28 tháng 02 năm 2017, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã T, huyện Y. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đến tháng 8 năm 2020, xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th2 không chịu làm ăn, thích chơi bời dẫn đến nghiện ma túy. Anh Th2 như vậy, chị và gia đình khuyên bảo đi cai nghiện nhưng anh Th2 không nghe. Vợ chồng không quan tâm đến nhau. Tháng 10 năm 2020, anh Th2 bị đưa vào trung tâm cai nghiệm ma túy tỉnh Bắc Giang. Do vợ chồng mâu thuẫn không dàn xếp được, tháng 10 năm 2020, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th2 mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng để chung sống với nhau và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đình G, sinh ngày 01/11/2017, hiện đang ở với bố anh Th2. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Th2 nuôi con chung, chị cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp: không có chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đình Th2 là bị đơn trình bày: Anh đồng ý với trình bày của chị Th1 về thủ tục kết hôn, anh trình bày thêm nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị Th1 làm việc và sinh sống ở Bắc Ninh, anh khuyên bảo chị Th1 không nghe. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Th1 xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý trình bày của chị Th1.

Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp: Vợ chồng không có anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Th1 xác định hiện anh Th2 đang đi cai nghiện, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Th2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Th1, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Th1 được ly hôn anh Nguyễn Đình Th2.

- Về con chung: Giao cháu Giang cho chị Th1 nuôi dưỡng, chị Th1 không yêu cầu anh Th2 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- Án phí: Chị Th1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000156 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Đình Th2 là bị đơn, anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị Th1 và anh Nguyễn Đình Th2 kết hôn ngày 28/02/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang là phù hợp với các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 8 năm 2020 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th2 không chịu làm ăn, thích chơi bời dẫn đến nghiện ma túy. Anh Th2 như vậy chị Th1 và gia đình nhiều lần khuyên bảo, anh Th2 không sửa chữa. Cuộc sống hàng ngày vợ chồng không quan tâm đến nhau. Tháng 10 năm 2020, anh Th2 bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sỏ cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiệm ma túy tỉnh Bắc Giang. Và chị Th1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10/2020 đến nay.

Kết quả xác minh ở địa phương, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Th2 nghiện ma túy, nhiều lần gia đình và chị Th1 khuyên bảo, can ngăn nhưng đi nhưng anh Th2 không sửa chữa. Tháng 10 năm 2020 anh Th2 bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị Th1 và anh Th2 mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Th1 xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đình G, sinh ngày 01/11/2017. Xét thấy hiện anh Th2 đang đi cai nghiện, do đó cần giao con chung cho

chị Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Thao phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị Th1 được ly hôn anh Nguyễn Đình Th2.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Hoàng Thị Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đình G, sinh ngày 01/11/2017. Chị Th1 không yêu cầu anh Th2 cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Th2 có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Th1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2019/0000156 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị Th1 đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã L.

Bùi Thị Hương